

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIÊN SĨ

Chuyên ngành: Lý luận và PPDH bộ môn Văn-Tiếng Việt

Định hướng: Ứng dụng

Mã số chuyên ngành: 914 0111

Thanh Hóa, tháng 12 năm 2022

Số: 3248/QĐ-ĐHHĐ

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo, Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Văn - Tiếng Việt

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HĐT ngày 24/6/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Quyết định số 2499/QĐ-ĐHHĐ ngày 22/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Biên bản họp ngày 12/12/2022 của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Văn - Tiếng Việt;

Căn cứ Biên bản tổng hợp ngày 30/12/2022 về kết quả xin ý kiến của các thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Chương trình đào tạo, Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2022;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo và Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Văn - Tiếng Việt, Mã số: 9140111, áp dụng cho khóa tuyển sinh từ đợt 2 năm 2022 (có văn bản Chương trình đào tạo, Bản mô tả Chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Trường khoa, Trường Bộ môn quản lý chuyên ngành tiến sĩ Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Văn - Tiếng Việt có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức tuyển sinh và đào tạo theo đúng Chương trình đào tạo đã được phê duyệt.

Điều 3. Trường phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Trường khoa Khoa học xã hội, các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *th*

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;
- Chủ tịch Hội đồng Trường;
- Hội đồng KH&ĐT Trường;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐTSDH *th*



Bùi Văn Dũng
Bùi Văn Dũng

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 3248 /QĐ-ĐHHD, ngày 30 tháng 12 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

Tên chương trình: Chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

Chuyên ngành đào tạo: Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Văn - Tiếng Việt

Mã ngành: 9140111

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH

1. Giới thiệu về chương trình

Trình độ Tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Văn – Tiếng Việt được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo tại Trường Đại học Hồng Đức theo quyết định số 1927/QĐ-BGDĐT ngày 31 tháng 05 năm 2017.

Chương trình đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Văn – Tiếng Việt được xây dựng đã tham khảo các chương trình đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Văn – Tiếng Việt của Trường ĐHSP Hà Nội, Trường ĐHQG thành phố Hồ Chí Minh, Trường ĐH Vinh, Trường ĐH Huế, Trường ĐH Thái Nguyên...

Chương trình đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Văn – Tiếng Việt gồm 3 phần: Phần I. Các học phần bổ sung kiến thức (30 TC); Phần II. Các học phần ở trình độ tiến sĩ, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan (18 TC); Phần III. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ (72 TC).

Đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Văn – Tiếng Việt gồm 11 người (11 TS, 6 PGS) có trình độ đạt chuẩn, có năng lực chuyên môn vững vàng, nhiều thâm niên đào tạo Thạc sĩ và Tiến sĩ; nhiều kinh nghiệm về biên soạn sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo, bài giảng, thẩm định các đề tài, dự án; có trách nhiệm cao với người học và công việc, say mê nghề nghiệp. Trong quá trình đào tạo, nhà trường còn nhận được sự phối hợp, cộng tác mật thiết, nhiệt tình của nhiều nhà khoa học (GS, PGS, TS) từ nhiều cơ sở đào tạo uy tín khác như: Trường ĐHSP Hà Nội; Viện Văn học, Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam; Đại học Vinh; Đại học Huế, Đại học Thái Nguyên...

Chương trình đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Văn – Tiếng Việt được thực hiện trong điều kiện cơ sở vật chất đầy đủ, bao gồm phòng học hiện đại với đầy đủ phương tiện (bảng, phấn, máy chiếu, wifi...), thư viện có đủ các giáo trình và tài liệu tham khảo cần thiết/bắt buộc trong chương trình và nhiều đầu sách báo phục vụ việc học tập và nghiên cứu của khối ngành Khoa học xã hội nhân văn. Cụ thể: khuôn viên trường đẹp, rộng rãi, thoáng mát; 1 trung tâm thư viện hiện đại

gồm 5 tầng với diện tích sử dụng trên 4000m², có 3 phòng đọc lớn với 600 chỗ ngồi dành cho bạn đọc, có đầy đủ phương tiện phục vụ học viên đến học tập, tìm kiếm thông tin, truy cập Internet, tìm đọc tài liệu cơ sở, cơ bản và chuyên ngành; thư viện được thiết kế theo mô hình thư viện mở, tại mỗi phòng đọc đều có đầy đủ sách, tài liệu, máy vi tính kết nối truy cập internet; có 06 phòng học nhóm (tầng 2, 3) đáp ứng nhu cầu riêng của giảng viên hay cho từng nhóm bạn đọc. Thư viện có phòng dành riêng cho bạn đọc là học viên thạc sĩ và nghiên cứu sinh, 2 phòng bảo vệ luận văn hiện đại với đầy đủ thiết bị, 01 phòng họp trực tuyến, 01 phòng mở chuyên tổ chức sự kiện, triển lãm sách. Thư viện hiện có 165.517 bản sách và tài liệu với 15.927 đầu sách, trên 3000 luận án, luận văn đã được số hóa và cập nhật lưu trữ trên cơ sở dữ liệu tài nguyên số của phần mềm Libol 6.0. Thư viện được kết nối chia sẻ sử dụng tài liệu số của dự án thư viện điện tử dùng chung cho các cơ sở Giáo dục Đại học ở Việt Nam khỏi các trường Kinh tế do Ngân hàng Thế giới (Worldbank) tài trợ. Trên Website thư viện (thuvienso.hdu.edu.vn) đã tích hợp thư viện số với trên 1,4 triệu tài liệu đã mua bản quyền truy cập.

2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình (Tiếng Việt)	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn (Văn-Tiếng Việt)
Tên chương trình (Tiếng Anh)	Theories and Methods of teaching literature – Vietnamese
Trình độ đào tạo	Tiến sĩ
Mã chuyên ngành đào tạo	9140111
Khoa/Bộ môn quản lý chương trình	Ngữ văn
Đối tượng tuyển sinh	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT
Hình thức tuyển sinh	Xét tuyển/thi tuyển/kết hợp xét tuyển và thi tuyển
Thời gian đào tạo	36-60 tháng
Hình thức đào tạo	- Chính quy - Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng
Số tín chỉ yêu cầu	- 90 tín chỉ đối với người học có bằng thạc sĩ - 120 tín chỉ đối với người học có bằng đại học.
Điều kiện tốt nghiệp	Hoàn thành chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	- Tiếng Việt: Tiến sĩ Giáo dục học (Lý luận và PPDH bộ môn Văn-Tiếng Việt) - Tiếng Anh: Doctor of Education (Doctor of Theories and Methods of teaching literature – Vietnamese)
Vị trí làm việc	NCS tốt nghiệp tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt có thể đảm đương các vị trí công tác như sau: * Nghiên cứu và tổ chức nghiên cứu khoa học giáo dục: Nghiên cứu sau tiến sĩ (PostDoc); Nghiên cứu viên; Trưởng nhóm nghiên cứu; Lãnh đạo nhóm nghiên cứu; Lãnh đạo dự án...v.v.

	<p>* Lãnh đạo, quản lý, giảng dạy, chuyên viên, tư vấn viên trong các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp và giáo dục phổ thông: trường đại học, cao đẳng, trung cấp, trung tâm, trường phổ thông, trường liên cấp, trường thực hành...v.v.</p> <p>* Lãnh đạo, chuyên viên, tư vấn viên trong các cơ quan quản lý giáo dục: Bộ giáo dục, Vụ giáo dục, Viện nghiên cứu, Sở Giáo dục, Phòng giáo dục, Trung tâm giáo dục,...v.v.</p> <p>* Lãnh đạo, Tổng biên tập, Biên tập viên, chuyên viên trong các cơ quan xuất bản, in ấn, truyền thông về giáo dục.</p>
Khả năng học tập nâng cao trình độ	- PostDoc
Chương trình tham khảo	<p>- Trường ĐH Hồng Đức, Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ phê duyệt 2017.</p> <p>- Trường ĐHSP Hà Nội, Khung CTĐT Tiến sĩ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt. Nguồn truy cập: http://sdh.hnue.edu.vn/Portals/HNUE_POSTGRA_PROGRAM/7Khoa-Ngu-van-(Roi)-637812760830760667.pdf</p> <p>- Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt, nguồn truy cập: Nguồn truy cập: http://vnies.edu.vn/upload/Boiduong/Dao%20tao%20TS%202016/LLPPDHB%20VAN.pdf</p> <p>- University of Michigan, PhD in Education Degree, https://soe.umich.edu/academics-admissions/degrees/doctoral/teaching-and-teacher-education</p>

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt giúp nghiên cứu sinh có phẩm chất và năng lực của một chuyên gia, có trình độ tiến sĩ về lý thuyết và ứng dụng khoa học giáo dục Ngữ văn; có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát triển tri thức mới, phát hiện và giải quyết những vấn đề mới về khoa học giáo dục Ngữ văn; có năng lực tổ chức, hướng dẫn nghiên cứu khoa học, giảng dạy và phổ biến kiến thức về khoa học giáo dục Ngữ văn; có năng lực chuyển giao công nghệ đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh Thanh Hóa, đất nước và hội nhập quốc tế.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

PO1: Tiến sĩ ngành Giáo dục học, chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt có kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí chuyên gia về lĩnh vực lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt; có kiến thức cốt lõi, nền tảng về khoa học giáo dục; có kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới trong khoa học giáo dục Ngữ văn, làm giàu tri thức về khoa học giáo dục Ngữ văn.

Về kĩ năng:

PO2: Có kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển lí luận dạy học Ngữ văn; có kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức về chương trình, sách giáo khoa, phương pháp dạy học, phương tiện dạy học và kiểm tra đánh giá môn học Ngữ văn; có kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học giáo dục Ngữ văn và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo; có kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển; Tham gia thảo luận trong nước và quốc tế và phổ biến các kết quả nghiên cứu về lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt.

Tự chủ và trách nhiệm:

PO3: Nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới; Đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau; Thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác; Phản biện, ra quyết định mang tính chuyên gia; Nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được thiết kế đảm bảo học viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra:

PLO _m	Nội dung PLO _m	PI _m	Nội dung PI _m
I	Kiến thức		
PLO1	Có kiến thức của một chuyên gia về phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục Ngữ văn; kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học, quản lí nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới.	PI1.1	Có kiến thức của một chuyên gia về phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục Ngữ văn.
		PI1.2	Có kiến thức về quản lí nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới trong giáo dục Ngữ văn.
PLO2	Có hệ thống kiến thức tiên tiến, chuyên sâu của một chuyên gia về giáo dục nói chung, lí luận và phương pháp dạy học Ngữ văn nói riêng.	PI2.1	Có kiến thức về các nguyên lí giáo dục và lí thuyết học tập hiện đại
		PI2.2	Có hệ thống kiến thức tiên tiến, chuyên sâu của một chuyên gia về phát triển chương trình giáo dục môn Ngữ văn.
		PI2.3	Có kiến thức hệ thống, chuyên sâu của một chuyên gia về phương pháp dạy học, phương tiện dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả đọc – viết – nói – nghe môn Ngữ văn theo quan điểm phát triển năng lực.
II	Kĩ năng		
PLO3	Kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển khoa học giáo dục Ngữ văn.	PI3.1	Có kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu khoa học giáo dục.
		PI3.2	Có kỹ năng làm chủ các lý luận dạy học, phương pháp, công cụ

PLO_m	Nội dung PLO_m	PI_m	Nội dung PI_m
			phục vụ nghiên cứu phát triển giáo dục Ngữ văn.
PLO4	Kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức khoa học giáo dục Ngữ văn.	PI4.1	Có kỹ năng tổng hợp tri thức khoa học giáo dục Ngữ văn.
		PI4.2	Có kỹ năng làm giàu và bổ sung tri thức khoa học giáo dục Ngữ văn.
PLO5	Kỹ năng phân biện, suy luận, phân tích và phán quyết các vấn đề khoa học giáo dục Ngữ văn; đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo.	PI5.1	Có kỹ năng phân biện, suy luận, phân tích và phán quyết các vấn đề giáo dục Ngữ văn.
		PI5.2	Có kỹ năng đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo trong giáo dục Ngữ văn.
PLO6	Kỹ năng tổ chức, quản lý chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển khoa học giáo dục Ngữ văn.	PI6.1	Có kỹ năng tổ chức chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển khoa học giáo dục Ngữ văn.
		PI6.2	Có kỹ năng quản lý chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển khoa học giáo dục Ngữ văn.
PLO7	Tham gia thảo luận trong nước và quốc tế thuộc ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu và phổ biến các kết quả nghiên cứu.	PI7.1	Tham gia thảo luận trong nước và quốc tế thuộc ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu của khoa học Giáo dục Ngữ văn.
		PI7.2	Tham gia phổ biến các kết quả nghiên cứu.
III	Tự chủ và trách nhiệm		
PLO8	Nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới về giáo dục Ngữ văn.	PI8.1	Nghiên cứu khoa học giáo dục Ngữ văn
		PI8.2	Sáng tạo tri thức mới về khoa học giáo dục Ngữ văn.
PLO9	Đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới, ra quyết định mang tính chuyên gia về giáo dục Ngữ văn trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau.	PI9.1	Đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới về giáo dục Ngữ văn trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau.
		PI9.2	Đưa ra các quyết định mang tính chuyên gia về giáo dục Ngữ văn trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau.
PLO10	Thích ứng, tự định hướng, dẫn dắt những người khác nghiên cứu, giảng dạy, quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc phát triển tri thức và sáng tạo ra ý tưởng mới về giáo dục Ngữ văn.	PI10.1	Thích ứng, tự định hướng nghiên cứu, giảng dạy trong việc phát triển tri thức và sáng tạo ra ý tưởng mới về giáo dục Ngữ văn.
		PI10.2	Dẫn dắt những người khác nghiên cứu, giảng dạy, quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc phát triển tri thức và sáng tạo ra ý tưởng mới về giáo dục Ngữ văn.

5. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra CTĐT	Mục tiêu của CTĐT		
	Kiến thức PO1	Kỹ năng PO2	Mức tự chủ và trách nhiệm PO3
PLO1	✓		
PLO2	✓		
PLO3		✓	
PLO4		✓	
PLO5		✓	
PLO6		✓	
PLO7		✓	
PLO8			✓
PLO9			✓
PLO10			✓

6. Phương pháp dạy - học và phương thức kiểm tra đánh giá

6.1. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp dạy học: Chương trình sử dụng đa dạng các phương pháp dạy - học sau:

- + PP dạy - học thuyết trình, vấn đáp, thảo luận;
- + PP dạy - học bản đồ tư duy; PPDH tình huống, PPDH nêu và giải quyết vấn đề
- + PP dạy - học tương tác (đóng kịch nhập vai, mô hình ứng xử,...);
- + Dạy - học trực tuyến;
- + Tự học, kiểm tra cá nhân;
- + Phương pháp chuyên gia (mô hình, dự án, chuyên đề...)

Ma trận tích hợp CĐR của CTĐT và phương pháp dạy - học

Phương pháp dạy học	Chuẩn đầu ra của CTĐT									
	Kiến thức		Kỹ năng					Tự chủ và trách nhiệm		
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
Thuyết trình	✓	✓								
Vấn đáp	✓	✓								
Thảo luận/làm việc nhóm	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Đặt vấn đề/giải quyết vấn đề	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Ứng dụng công nghệ	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Tự học	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Kiểm tra cá nhân	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Nghiên cứu chuyên đề	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

6.2. Các phương thức đánh giá

- Đánh giá chuyên cần (30%): Chuyên cần, thuyết trình, vấn đáp, thảo luận/hoạt động nhóm, báo cáo,...

- Đánh giá thường xuyên (20%): Tự luận

- Đánh giá cuối kỳ (50%): Tự luận

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ (TC)	Loại học phần	Số tín chỉ
1	Phần 1: Các học phần bổ sung kiến thức đối với đầu vào có bằng tốt nghiệp đại học và bằng thạc sĩ ngành gần, ngành phù hợp.		
	a) Các học phần bổ sung kiến thức đối với đầu vào có bằng tốt nghiệp đại học.	Học phần bắt buộc	14tc
		Học phần tự chọn	16tc
	b) Các học phần bổ sung kiến thức đối với đầu vào có bằng tốt nghiệp thạc sĩ ngành gần, ngành phù hợp.	Học phần bắt buộc	11tc
Học phần tự chọn		0tc	
2	Phần 2: Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan		
	a) Các học phần ở trình độ tiến sĩ	Học phần bắt buộc	07tc
		Học phần tự chọn	03tc
	b) Các chuyên đề tiến sĩ	Chuyên đề 1	02tc
		Chuyên đề 2	02tc
		Chuyên đề 3	02tc
Tiểu luận tổng quan	Tiểu luận	02tc	
3	Phần 3: Nghiên cứu khoa học và Luận án tiến sĩ	Luận án	72tc
Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo:			90tc; 120tc
Trong đó: - 90 tín chỉ đối với người học có bằng thạc sĩ - 120 tín chỉ đối với người học có bằng đại học.			

2. Danh sách và mô tả các học phần

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
1.	Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan			
2.	1PV241	Phát triển tư duy phê phán và tư duy sáng tạo cho học sinh qua dạy học văn	Học phần nghiên cứu khái quát về các loại hình tư duy; nghiên cứu đặc trưng, bản chất của 2 loại hình tư duy bậc cao, xét theo cách thức vận hành là tư duy phê phán và tư duy sáng tạo; nghiên cứu vai trò, khả năng phát triển tư duy phê phán và tư duy sáng tạo cho HS qua hoạt động học văn; nghiên cứu cách thức, biện pháp phát triển tư duy phê phán và tư duy sáng tạo cho HS qua dạy học văn.	1. Hibino Chozo (2009), <i>Tư duy đột phá</i> , Nxb Trẻ 2. Howard Gardner (2012), <i>Cơ cấu trí khôn</i> , Nxb Tri thức 3. Hoàng Thị Mai (2013), <i>Phát triển các kỹ năng tư duy phê phán cho sinh viên qua hoạt động nghiên cứu, phê bình và tiếp nhận văn học</i> , Tạp chí Khoa học Giáo dục số 92, tháng 5-2013, tr.20-23. 4. Hoàng Thị Mai (2013), <i>Tư duy phê phán và tư duy sáng tạo trong cảm thụ văn chương ở nhà trường phổ</i>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
				<p><i>thông</i>, Tạp chí Giáo dục số 311, Kì 1 tháng 6/2013</p> <p>5. Michael J. Gelb (2014), <i>Tư duy như Leonardo da Vinci</i>, Nxb Lao động Xã hội</p> <p>6. C. Rose, M. J. Nicholl (2008): <i>Kĩ năng học tập siêu tốc thế kỉ XXI</i>, NXB Tri thức Hà Nội.</p> <p>7. Scott Thorpe (2012), <i>Tư duy như Einstein</i>, Nxb Lao động Xã hội</p> <p>8. Chi-An Tung, Shu-Jing Chang (2009), <i>Developing critical thinking through literature reading</i> (p.292 – Feng Chia Feng Chia Journal of Humanities and Social Sciences, No 19, Dec. 2009.</p> <p>9. Facione, P.A, (2011), <i>Think Critically</i>, Pearson Education: Englewood Cliffs, NJ.</p> <p>10. A. Fisher (2001): <i>Critical thinking – An introduction</i>, Cambridge University Press.</p>
3.	1PV242	<p>Một số lí thuyết học tập hiện đại trong dạy học phát triển năng lực đọc hiểu văn bản và tạo lập văn bản ở trường phổ thông/ Learning theory and strategies for teaching texts in</p>	<p>Nội dung học phần: Học phần nghiên cứu khái quát một số lí thuyết học tập hiện đại gồm bản chất, đặc trưng, cách thức vận hành và khả năng ứng dụng các lí thuyết học tập hiện đại vào dạy học văn bản ở trường phổ thông theo tiếp cận phát triển năng lực môn Ngữ văn. Nghiên cứu làm phong phú và làm sáng tỏ kiến thức về các biện pháp, cách thức dạy học đọc hiểu văn bản và dạy viết văn bản cho HS ở nhà trường phổ thông theo quan điểm của một số lí thuyết học tập hiện đại.</p>	<p>Học liệu bắt buộc</p> <p>1. Bernd Meier – Nguyễn Văn Cường (2014), <i>Lí luận dạy học hiện đại – cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học</i>, Nxb Đại học sư phạm</p> <p>2. Nguyễn Quốc Siêu (2005), <i>Kĩ năng làm văn nghị luận</i>, Nxb Giáo dục</p> <p>3. Đỗ Ngọc Thống (tổng chủ biên), Đỗ Thị Thu Hương (chủ biên), Đỗ Thị Hiền, Nguyễn Thị Hiền, Hoàng Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Tuyết Minh, Trần Thị Hạnh Phương, Lê Thị Thùy Vinh (2022), <i>Văn bản; Đọc</i></p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
		high schools	<p>Năng lực đạt được: Học phần phát triển năng lực nhận thức về một số lí thuyết học tập hiện đại có khả năng vận dụng vào dạy học văn bản ở trường phổ thông theo tiếp cận phát triển năng lực môn Ngữ văn; vận dụng các lí thuyết học tập hiện đại đó vào việc phát triển các biện pháp, cách thức dạy học phát triển năng lực đọc hiểu văn bản và viết văn bản môn Ngữ văn ở vị trí chuyên gia đồng thời phát triển năng lực giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn dạy học môn Ngữ văn ở các nhà trường phổ thông và sư phạm.</p>	<p>hiểu và tạo lập, Nxb Giáo dục Việt Nam.</p> <p>Học liệu tham khảo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Albert Rutheford (2021), Rèn luyện tư duy phản biện, Nxb Phụ nữ Việt Nam. 2. IU. M. Lotman (2007), Cấu trúc văn bản nghệ thuật, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. 3. Nguyễn Đăng Mạnh (chủ biên), Đỗ Ngọc Thống, Lưu Đức Hạnh (1994), Muốn viết được bài văn hay, Nxb Giáo dục. 4. Travis Elboruogh Helen Gordon Min dịch (2020), Để trở thành người viết, Nxb Thế giới.
4.	IPV243	<p>Phát triển chương trình môn Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam/ Develop the curriculum of Philology at Hight school in Viet Nam. 2</p>	<p>Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản, hệ thống về môn Ngữ văn và vấn đề phát triển chương trình môn học. Nội dung chương trình môn Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam qua các thời kì lịch sử. Quan niệm dạy học Ngữ văn qua tìm hiểu chương trình, sách giáo khoa từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay. Phát triển chương trình giáo dục và chương trình môn Ngữ văn trong bối cảnh mới. Chương trình dạy học là một trong 6 thành tố then chốt tạo nên chất lượng hiệu quả giáo dục môn học trong nhà trường. Phát triển chương trình môn học có vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình dạy học nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội trong từng giai đoạn cụ thể. Phát triển chương trình môn học vì vậy là tiêu chí để đánh giá năng lực dạy học của người giáo viên. Học phần</p>	<p><i>Học liệu bắt buộc</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đỗ Ngọc Thống (2011), Chương trình Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam, NXB Giáo dục. 2. Bùi Minh Hiền – Nguyễn Vũ Bích Hiền (Đồng chủ biên), Hứa Hoàng Anh – Nguyễn Vân Anh cùng nhiều tác giả (2020), Quản lí và lãnh đạo Nhà trường, Nxb Đại học sư phạm. <p><i>Học liệu tham khảo:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Giselle O.Martin-Kniep (2013), Tám đổi mới để trở thành người giáo viên giỏi, Nxb Giáo dục Việt Nam. 2. GS.TS Nguyễn Đức Chính (chủ biên), TS Vũ Lan Hương (2017), Phát triển chương trình giáo dục, Nxb Giáo dục 3. Đinh Quang Báo (chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thị Kim Dung, Hà Thị Lan Hương, Vũ Thị Sơn (2016), <i>Chương trình đào</i>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
			<p>này bao gồm các nội dung chính: Môn Ngữ văn và vấn đề phát triển chương trình môn học; Nội dung chương trình môn Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam qua các thời kì;</p> <p>Quan niệm dạy học văn qua tìm hiểu chương trình, sách giáo khoa từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay; Phát triển chương trình môn Ngữ văn trong bối cảnh mới.</p>	<p><i>tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông</i>, Nxb ĐH sư phạm.</p>
5.	1PV244	<p>Một số lí thuyết phê bình văn học phương Tây hiện đại với việc đổi mới phương pháp dạy học Văn ở nhà trường phổ thông</p>	<p>Chuyên đề nghiên cứu khái quát về quan điểm, nội dung cơ bản, ý nghĩa phương pháp luận của một số lí thuyết văn học phương Tây hiện đại như: Phân tâm học, Cấu trúc luận, Kí hiệu học, Hậu cấu trúc luận; từ đó đề xuất quan điểm, nội dung, cách thức vận dụng các luận điểm phù hợp của các lí thuyết trên vào việc thực hành tiếp nhận văn bản văn học và phát triển lí thuyết về phương pháp dạy học Văn ở nhà trường các cấp.</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Antoine Compagnon (2006), <i>Bản mệnh của lí thuyết văn chương và cảm nghĩ thông thường</i>, NXB ĐHSP Hà Nội. 2. Chevalier Jean, Gheerbrant Alain (2002), <i>Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới</i>, Nxb. Đà Nẵng & Trường viết văn Nguyễn Du. 3. Nguyễn Văn Dân (2004), <i>Phương pháp luận nghiên cứu văn học</i>, NXB KHXH. 4. Trịnh Bá Đình (2010), <i>Chủ nghĩa cấu trúc trong văn học</i>, Nxb. Hội Nhà văn. 5. Jean Bellemin-Noël (1978), <i>Phân tâm học và văn học</i>, Psychanalyse et littérature PUF, Paris, 1978, Đỗ Lai Thúy dịch. Nguồn: phebinhvanhoc.com.vn 6. Iu. M. Lotman (2015), <i>Kí hiệu học văn hóa</i>, Lã Nguyên, Đỗ Hải Phong, Trần Đình Sử dịch, Nxb ĐHQG Hà Nội. 7. Roland Barther (1998), <i>Độ không của lối viết</i> (Nguyễn Ngọc dịch), Nxb Hội nhà văn, Hà Nội. 8. Phương Lưu (2005), <i>Phương pháp luận nghiên</i>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
				<p>cứu văn học, Đại học Sư phạm Hà Nội.</p> <p>9. Sigmund Freud (2002), <i>Phân tâm học nhập môn</i>, Nguyễn Xuân Hiến dịch, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.</p> <p>10. Terence Hawkes, <i>Khoa học về các ký hiệu</i>, Đinh Hồng Hải dịch.</p> <p>Nguồn: phebinhvanhoc.com.vn</p>
6.	1PV245	Vận dụng lí thuyết ngôn ngữ học hiện đại vào dạy học tiếng Việt ở phổ thông	Học phần nghiên cứu chuyên sâu một số lý thuyết ngôn ngữ học hiện đại từ cuối thế kỉ XX cho đến nay có ảnh hưởng, tác động đến việc dạy học tiếng Việt; xu hướng phát triển của ngôn ngữ học hiện đại cũng như Việt ngữ học. Trên cơ sở đó, môn học nghiên cứu cách xây dựng nội dung chương trình tiếng Việt được dạy học ở phổ thông theo hướng vận dụng các cơ sở lý thuyết ngôn ngữ học hiện đại cũng như cách lựa chọn, xây dựng và sử dụng các biện pháp, cách thức dạy học phù hợp. Trên cơ sở đó, học phần cũng góp phần mở ra hướng nghiên cứu và giảng dạy tiếng Việt theo hướng ứng dụng liên ngành.	<p><i>Giáo trình</i></p> <p>1. Đỗ Ngọc Thống Thống chủ biên) (2018), <i>Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn</i>, Nxb Đại học sư phạm.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>1.. Lê A, Nguyễn Quang Ninh, Bùi Minh Toán (1996), <i>Phương pháp dạy học Tiếng Việt</i>, NXB Giáo dục, H.</p> <p>2. Bùi Minh Toán (2002), <i>Tiếng Việt ở trường THPT</i>, NXB Đại học Sư phạm. H.</p>
7.	1PV246	Phát triển các năng lực trí tuệ xúc cảm cho HS qua dạy học Văn. 2	Chuyên đề nghiên cứu khái quát về cơ cấu của trí tuệ xúc cảm, nội dung, bản chất của các năng lực trí tuệ xúc cảm; nghiên cứu vai trò, khả năng, biện pháp, cách thức phát triển trí tuệ xúc cảm cho HS qua hoạt động dạy văn, học văn.	<p>1. Daniel Goleman (2007): <i>Trí tuệ xúc cảm</i>, NXB Lao động Xã hội, Hà Nội</p> <p>2. Daniel Goleman (2007): <i>Trí tuệ xúc cảm ứng dụng trong công việc</i>, NXB Tri thức Hà Nội</p> <p>3. Daniel Goleman (2008): <i>Trí tuệ xã hội</i>, NXB Lao động Xã hội, Hà Nội</p> <p>4. Diane Tillman (2010), <i>Những giá trị sống cho tuổi trẻ</i>, NXB Tổng hợp TP HCM</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
				<p>5. Nguyễn Thanh Bình, Lê Thị Thu Hà, Trịnh Thúy Giang (2014), <i>Giáo trình chuyên đề Giáo dục kỹ năng sống</i>, NXB Đại học Sư Phạm</p> <p>6. Hoàng Thị Mai (2010), <i>Dạy học Văn ở nhà trường phổ thông – nhìn từ góc độ trí tuệ xúc cảm</i>, Tạp chí Giáo dục tháng 5/2010</p> <p>7. Travis Bradberry and Jean Greaves (2012), <i>Thông minh cảm xúc 2.0</i>, NXB Phụ nữ.</p>
8.	1PV247	<p>Công cụ đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông/Tools to assess students' ability in teaching Literature in high schools</p>	<p>Nội dung học phần: Học phần nghiên cứu những yêu cầu đổi mới kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn; các công cụ đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông; cách xây dựng và sử dụng các công cụ đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn theo Chương trình GDPT 2018.</p> <p>Năng lực đạt được: Học phần phát triển năng lực đánh giá học sinh của các chủ thể đánh giá thông qua việc nghiên cứu, xây dựng và sử dụng các công cụ đánh giá trong dạy học Ngữ văn đáp ứng yêu cầu đổi mới kiểm tra, đánh giá của Chương trình GDPT 2018; có khả năng giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn ở mức độ chuyên sâu nâng cao chất lượng dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông, trường sư phạm.</p>	<p>Học liệu bắt buộc</p> <p>1. Sái Công Hồng (2020), <i>Giáo trình kiểm tra đánh giá trong dạy học</i>, Nxb Đại học Quốc gia</p> <p>2. Đoàn Thị Thanh Huyền, Lê Minh Nguyệt, Phan Thị Hồng Xuân (2021), <i>Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh THCS trong dạy học Ngữ văn</i>, Nxb Đại học sư phạm</p> <p>Học liệu tham khảo</p> <p>1. Nguyễn Công Khanh (chủ biên), Đào Thị Oanh (2016), <i>Giáo trình kiểm tra đánh giá trong giáo dục</i>, Nxb Đại học sư phạm.</p> <p>2. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh (2016), <i>Phương pháp nghiên cứu xã hội học</i>, NXB ĐHQGHN</p> <p>3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), <i>Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông</i>, Kỷ yếu Hội thảo, Hải Phòng tháng 8/2022.</p> <p>4. Nghiêm Xuân Hùng biên dịch, GS.TS Lâm Quang Thiệp hiệu đính và giới thiệu (1995), <i>Trắc nghiệm và đo</i></p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
				lường cơ bản trong giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Vụ đại học.
9.	TLTS.	Tiểu luận tổng quan/Literature review	Bài tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi NCS có khả năng tổng hợp, phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã công bố của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những kết quả đạt được và những vấn đề còn tồn tại của các nghiên cứu trước, từ đó tìm ra các khoảng trống nghiên cứu mà luận án có thể tập trung nghiên cứu giải quyết.	1. Các quy định làm Tiểu luận tổng quan luận án tiến sĩ của trường đại học Hồng Đức 2. Nguồn cơ sở dữ liệu, học liệu trên thư viện và nguồn CSDL mở.
10.	1NVC22	Chuyên đề 1/PhD Project 1 (bắt buộc): Phương pháp định tính và phương pháp định lượng trong nghiên cứu giáo dục	Chuyên đề 1 gồm những nội dung cơ bản: Khái niệm và các dạng nghiên cứu định lượng và phương pháp định tính trong giáo dục. Các bước tiến hành cuộc nghiên cứu trong giáo dục. Một số phương pháp riêng mang tính đặc thù của giáo dục. Xác định đề tài và mục tiêu nghiên cứu trong giáo dục. Xây dựng giả thuyết trong nghiên cứu giáo dục. Định nghĩa khái niệm và thao tác hóa các khái niệm. Xây dựng bảng hỏi trong nghiên cứu giáo dục. Phương pháp thu thập thông tin trong nghiên cứu giáo dục. Xử lý thông tin, phân tích và viết báo cáo kết quả.	Học liệu bắt buộc 7.1. Nguyễn Duy Hới - Đoàn Văn Trường (Đồng chủ biên, 2020), <i>Xã hội học</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội 7.2. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh (2016), <i>Phương pháp nghiên cứu xã hội học</i> , NXB ĐHQGHN Tài liệu tham khảo 7.3. Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), <i>Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS tập 1 & tập 2</i> , Trường Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh, NXB Hồng Đức. 7.4. Phạm Việt Vượng (2004), <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i> , Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội Phụ lục
Chọn 1 trong 2 chuyên đề:				
11.	1NVC19	Chuyên đề 2/PhD project 2	Các chuyên đề nghiên cứu 2&3, Nghiên cứu sinh phải tự cập nhật các kiến thức tiên tiến, chuyên sâu liên quan trực	1. Các văn bản quy định làm chuyên đề của trường đại học Hồng Đức.

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
12.	INVC21	Chuyên đề 2/PhD project 3	tiếp đến hướng nghiên cứu của đề tài luận án; làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu chuyên đề, đưa ra những hướng giải quyết nội dung đề tài luận án một cách sáng tạo, độc đáo.	2. Nguồn cơ sở dữ liệu, học liệu trên thư viện và nguồn CSDL mở liên quan đến nội dung nghiên cứu của chuyên đề.
13.	LATS	Luận án tiến sĩ. 72	Luận án tiến sĩ là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính NCS, có đóng góp về mặt lí luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu, giải quyết sáng tạo các vấn đề của chuyên ngành khoa học hay thực tiễn giáo dục ở các trường phổ thông và sư phạm.	1. Các văn bản quy định về làm luận án tiến sĩ của trường đại học Hồng Đức. 2. Nguồn cơ sở dữ liệu, học liệu trên thư viện và nguồn CSDL mở liên quan đến nội dung nghiên cứu của luận án.

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất và năm thứ 2 (bổ sung kiến thức đối với NCS chưa có bằng Thạc sĩ)	
Học kỳ 1	Học kỳ 2
<i>Học bổ sung tối thiểu 30tc theo CTĐT trình độ thạc sĩ hiện hành và thực hiện theo CTĐT thạc sĩ hiện hành của trường ĐH Hồng Đức).</i>	
Năm thứ nhất và năm thứ 2 (bổ sung kiến thức đối với NCS có bằng Thạc sĩ ngành gần)	
Học kỳ 1	Học kỳ 2
<i>Căn cứ vào bảng điểm thạc sĩ của NCS, Nhà trường yêu cầu học bổ sung các học phần trong số các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong CTĐT trình độ thạc sĩ hiện hành của trường ĐH Hồng Đức.</i>	
Học kỳ 3 – Học kì 5	Từ học kỳ 6 đến học kì 8
Các học phần bắt buộc và tự chọn ở trình độ tiến sĩ	Nghiên cứu khoa học và Luận án tiến sĩ
Tiểu luận tổng quan	
Các chuyên đề tiến sĩ: INVC22: Chuyên đề 1 (bắt buộc) INVC19: Chuyên đề 2 (tự chọn) INVC21: Chuyên đề 3 (tự chọn)	

III. TÀI LIỆU THAM KHẢO ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ

3.1. Căn cứ pháp lý

- Quyết định số 978/QĐ-ĐHHĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng trường đại học Hồng Đức về “Quy định xây dựng, cập nhật CTĐT, đề cương chi tiết học phần tại trường đại học Hồng Đức.

- Quyết định 2499/QĐ-ĐHHĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng trường đại học Hồng Đức về “Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại trường đại học Hồng Đức”.

- Thông tư số 17/TT-BGD&ĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về “Quy định chuẩn CTĐT, xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

- Thông tư số 18/TT-BGD&ĐT ngày 28/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về “Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ”.

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về “Phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam”.

- Luật giáo dục đại học sửa đổi, bổ sung 2019.

- Sứ mạng, tầm nhìn của trường đại học Hồng Đức.

3.2. Chương trình đào tạo tham khảo

- Trường ĐHSP Hà Nội, Khung CTĐT Tiến sĩ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt. Nguồn truy cập:

[http://sdh.hnue.edu.vn/Portals/HNUE_POSTGRA_PROGRAM/7Khoa-Ngu-van-\(Roi\)-637812760830760667.pdf](http://sdh.hnue.edu.vn/Portals/HNUE_POSTGRA_PROGRAM/7Khoa-Ngu-van-(Roi)-637812760830760667.pdf)

- Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt, nguồn truy cập: Nguồn truy cập:

<http://vnies.edu.vn/upload/Boiduong/Dao%20tao%20TS%202016/LLPPDHBM%20VAN.pdf>

- University of Stanford, PhD in Curriculum Studies and Teacher Education (CTE) , <https://ed.stanford.edu/academics/doctoral/cte>

- University of Michigan, PhD in Education Degree, <https://soe.umich.edu/academics-admissions/degrees/doctoral/teaching-and-teacher-education>

Thanh Hóa, ngày 22 tháng 12 năm 2022 *ds*

LÃNH ĐẠO KHOA QUẢN LÝ CTĐT
TRƯỜNG KHOA

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Bùi Văn Dũng

PGS.TS. Mai Văn Tùng